

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NINH KIỀU
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 08/01/2021

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Phạm Thị Thiện

2/ Bà Hồ Thị Kim Luyến

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ An Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều tham gia phiên tòa: Bà Lê Hoàng Dung – Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án Nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 515/2020/TLST-HN ngày 05 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 836/2020/QĐXX-ST ngày 07 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê D, sinh năm 1960

ĐKTT: 1C5 Đ, phường X, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

Chỗ ở hiện nay: số 1328 khu vực B, phường T, quận O, thành phố Cần Thơ

Bị đơn: Bà Giang Th, sinh năm 1961

Địa chỉ: 1C5 Đ, phường X, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn L

Địa chỉ: Số 1 Đ, phường X, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/6/2020 và bản tự khai nguyên đơn – ông Lê D - trình bày:

Ông và bà Giang Th tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường C, thành phố Cần Thơ, tỉnh Hậu Giang (cũ) cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 28/7/1983. Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc, khoảng 10 năm gần đây phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Ông và bà Th đã sống ly thân 01 năm nay. Do tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên ông yêu cầu ly hôn với bà Th. Ông và bà Th có 02 con chung tên Lê Ng (nữ) sinh năm 1991 và Lê Kh (nam) sinh năm 1992 (đều đã trưởng thành).

Tài sản chung: không có.

Về nợ chung: Bà Nguyễn L có khởi kiện ông, bà Th và em gái bà Th để yêu cầu trả nợ. Nợ này xuất phát từ gia đình vợ, ông chỉ liên quan. Hiện vụ việc vẫn đang được Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Giang Th trình bày:

Bà thống nhất với trình bày của ông D về quá trình tiến đến hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung. Bà xác định giữa ông bà cũng có những mâu thuẫn nhất định, cả hai bên đều có lỗi. Bà có nóng tính, cãi vã lớn tiếng với ông D. Bà nhận khuyết điểm này và hứa sửa chữa. Bà còn thương ông D nên mong ông D suy nghĩ lại. Trường hợp ông D muốn ly hôn thì phải hỗ trợ cho bà 01 căn nhà và trợ cấp hàng tháng thì bà ký ly hôn.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn L trình bày:

Khoảng năm 2016 bà khởi kiện ông Lê D, bà Giang Th, bà Lại Thị, bà Giang Thu V để yêu cầu trả nợ. Vụ việc đang được Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều thụ lý giải quyết. Do đó, trong vụ việc ly hôn giữa ông D, bà Th, bà không có ý kiến gì, không có yêu cầu gì. Bà đề nghị Tòa án cho bà được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ kiện.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thống nhất với nhau để giải quyết toàn bộ vụ kiện. Do đó, vụ kiện được đưa ra xét xử.

Tại phiên tòa:

Ông D xác định tình cảm vợ chồng giữa ông và bà Th không thể hàn gắn nên giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bà Th, bà L vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều phát biểu quan điểm:

- Về tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục luật định. Đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

- Về giải quyết vụ án: Ông Lê D và bà Giang Th chung sống có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống có mâu thuẫn và có thời gian sống ly thân nên ông D yêu cầu ly hôn, con chung đã trưởng thành, không có tài sản chung. Bà Th cũng xác định quá trình chung sống giữa ông bà có phát sinh mâu thuẫn. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông D. Đối với việc bà Th yêu cầu ông D hỗ trợ cho bà 01 căn nhà và trợ cấp hàng tháng khi ly hôn nhưng do bà Th không có đơn yêu cầu phản tố nên không xem xét. Về nợ chung: Ông D, bà Th, bà L xác định Tòa án đang giải quyết tranh chấp nợ bằng một vụ kiện

khác, bà L không có yêu cầu gì khi Tòa án giải quyết vụ việc ly hôn giữa ông D và bà Th nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Lê D và bà Giang Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường C, thành phố Cần Thơ, tỉnh Hậu Giang (cũ) cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 28/7/1983 nên là hôn nhân hợp pháp. Ông Lê D khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Giang Th nên xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp ly hôn”, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Giang Th và bà Nguyễn L có đơn yêu cầu được giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Th và bà L.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Lê D và lời trình bày của bà Giang Th:

Theo ông Lê D trình bày thì trong quá trình chung sống giữa ông và bà Giang Th có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống dẫn đến đời sống vợ chồng không được hòa thuận. Mặc dù ông bà đã tìm cách để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không đạt kết quả nên đã sống ly thân khoảng một năm nay. Lời trình bày của ông D phù hợp với lời trình bày của bà Th. Bà Th cũng xác định giữa ông bà có những mâu thuẫn và bà sẽ cố gắng khắc phục. Hội đồng xét xử xét thấy, mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Tuy nhiên, ông D và bà Th đã sống ly thân khoảng một năm nay. Tại phiên tòa, ông D cho rằng mâu thuẫn giữa ông bà đã kéo dài nhiều năm và vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn. Từ đó, cho thấy hôn nhân giữa ông D và bà Th mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của ông D là có cơ sở chấp nhận.

Đối với ý kiến của bà Th về việc ông D muốn ly hôn thì phải hỗ trợ cho bà 01 căn nhà và trợ cấp hàng tháng. Hội đồng xét xử xét thấy, đây chỉ là ý kiến của bà Th đối với yêu cầu ly hôn của ông D nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Mặt khác, bà Th không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh bà thuộc trường hợp cấp dưỡng theo quy định của luật hôn nhân và gia đình nên không xem xét.

Về con chung: Ông D và bà Th khai thống nhất có 02 con chung tên Lê Ng (nữ) sinh năm 1991 và Lê Kh (nam) sinh năm 1992 (đều đã trưởng thành) nên không xem xét.

Về tài sản chung: Ông D và bà Th xác định không có nên không xem xét.

Về nợ chung: Ông D, bà Th cũng như người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - bà L xác định Tòa án đang giải quyết tranh chấp về nợ vay giữa các ông bà bằng một vụ kiện khác. Bà L không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ kiện này nên không xem xét.

[3] Quan điểm của Viện Kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều về việc tuân theo pháp luật tố tụng và hướng giải quyết vụ án là phù hợp.

[4] Về án phí: Ông D phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 147, khoản 1 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân Sự;
- Các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê D.
 - Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê D được ly hôn với bà Giang Th.
 - Về con chung: có 02 con chung tên Lê Ng (nữ) sinh năm 1991 và Lê Kh (nam) sinh năm 1992 (đều đã trưởng thành).
 - Về tài sản chung: Không có.

2. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông Lê D phải chịu 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), cản trừ vào 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí ông D đã nộp theo biên lai thu số 002728 ngày 26/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ thì ông D đã nộp đủ tiền án phí.

3. Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSNDQNK;
- CCTHADSQNK;
- UBND P. C,
Q.Ninh Kiều, TP.Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thúy Mai